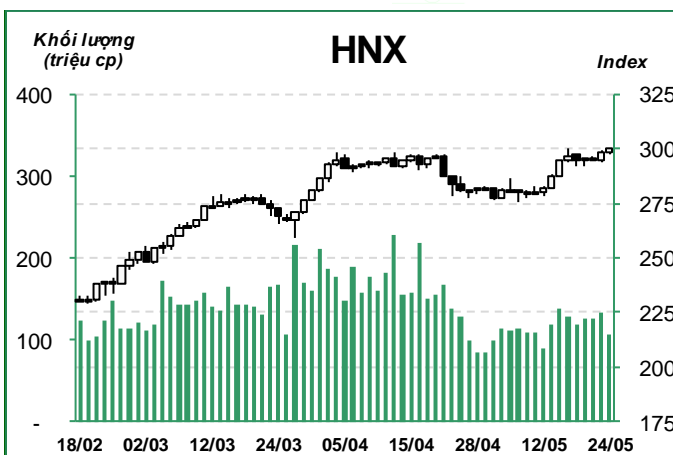
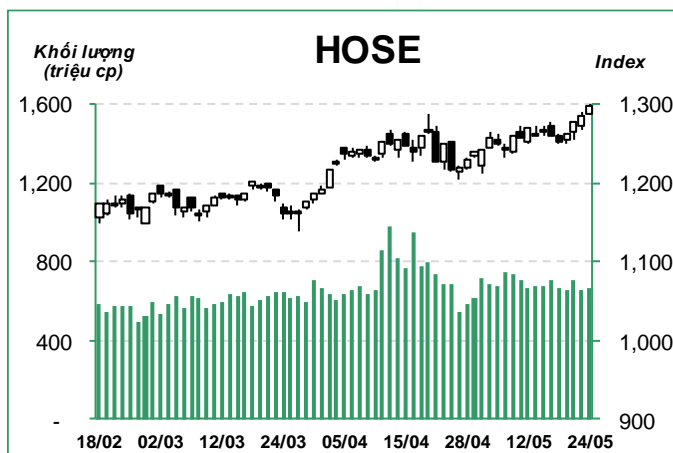


## Tổng quan thị trường

24/05/2021	HOSE		VN30		HNX	
	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %
<b>Giá trị đóng cửa</b>	<b>1,297.98</b>	<b>1.09%</b>	<b>1,430.48</b>	<b>0.38%</b>	<b>300.33</b>	<b>0.79%</b>
Cuối tuần trước	1,283.93	1.09%	1,425.04	0.38%	297.99	0.79%
Trung bình 20 ngày	1,259.24	3.08%	1,358.83	5.27%	287.51	4.46%
<b>Tổng KLGD (triệu cp)</b>	<b>715.51</b>	<b>2.37%</b>	<b>264.73</b>	<b>-7.65%</b>	<b>110.88</b>	<b>-22.17%</b>
<b>KLGD khớp lệnh</b>	<b>670.71</b>	<b>2.54%</b>	<b>256.21</b>	<b>-4.32%</b>	<b>106.82</b>	<b>-19.72%</b>
Trung bình 20 ngày	678.45	-1.14%	254.66	0.61%	112.95	-5.43%
<b>Tổng GTGD (tỷ đồng)</b>	<b>23,635.83</b>	<b>-0.13%</b>	<b>13,486.00</b>	<b>-9.66%</b>	<b>2,541.16</b>	<b>-21.41%</b>
<b>GTGD khớp lệnh</b>	<b>21,758.16</b>	<b>2.88%</b>	<b>12,963.04</b>	<b>-2.89%</b>	<b>2,453.52</b>	<b>-21.37%</b>
Trung bình 20 ngày	19,774.02	10.03%	11,711.30	10.69%	2,337.78	4.95%
	<b>Tỷ trọng</b>		<b>Tỷ trọng</b>		<b>Tỷ trọng</b>	
<b>Số mã tăng</b>	259	56%	23	77%	126	34%
<b>Số mã giảm</b>	158	34%	7	23%	80	22%
<b>Số mã đứng giá</b>	46	10%	0	0%	162	44%



Thị trường nối dài mạch tăng điểm 4 phiên liên tiếp với diễn biến tăng tốt ngay từ đầu phiên nhờ lực cầu lan tỏa mạnh. Đặc biệt là sự khởi sắc của hàng loạt cổ phiếu midcap đến từ nhóm BĐS. Thanh khoản duy trì ở mức cao cho thấy hàm ý dòng tiền vẫn đang mạnh. Tuy nhiên, hôm nay lại một ngày giao dịch tẻ tẻ của chứng quyền khi nhiều mã giảm sâu, thậm chí giảm sàn la liệt bất chấp cổ phiếu cơ sở tăng điểm. Bên cạnh đó, áp lực từ khối ngoại vẫn đang là mối lo ngại khi khối này vẫn tiếp tục bán ròng mạnh trên cả 2 sàn.

Trên sàn HoSE, chỉ số VN-Index đóng cửa tăng lên mức 1,297.98 điểm (+1.09%). KLGD khớp lệnh đạt 670.7 triệu cổ phiếu (+2.5%), tương đương 21,758 tỷ đồng giá trị (+2.9%). Độ rộng thị trường kết phiên nghiêng về bên mua với 259 mã tăng/158 mã giảm.

Không giống như những phiên tăng của tuần trước, đà tăng của VN-Index trong tuần này đã cho thấy sự đồng thuận hơn với lực cầu lan tỏa đến nhiều nhóm ngành. Bên cạnh sự khởi sắc của nhóm ngân hàng, BĐS, BĐS khu công nghiệp và cao su cũng là những nhóm ngành có mức tăng khá ấn tượng trong phiên hôm nay với một số cổ phiếu tăng trần và tăng mạnh như Tập đoàn Cao su Việt Nam-GVR (+6.9%), Becamex IDC-BCM (+5.1%), Đất Xanh-DXG (+7.0%) hay Đô thị Kinh Bắc-KBC (+4.9%). Ở chiều ngược lại, VPBank-VPB (-1.6%), Novaland-NVL (-1.7%), Petrolimex-PLX (-1.9%) có diễn biến giảm điểm gây sức ép cho chỉ số.

Khối ngoại đẩy mạnh bán ròng trên sàn HoSE, đạt giá trị 617.8 tỷ đồng (+110.5%). Bên cạnh một số cổ phiếu bị bán khá đáng kể trong những phiên gần đây như Hòa Phát-HPG (-290.7 tỷ), Vietinbank-CTG (-181.9 tỷ) hay Vingroup (-80.0 tỷ), khối ngoại cũng bất ngờ có động thái xả mạnh với chứng chỉ quỹ Quỹ-FUEVFVND (-187.3 tỷ). Đây cũng là lần đầu tiên

## Giao dịch thỏa thuận

Mã CK	Khối lượng ('000 cp)	GTGD (tỷ đồng)
<b>HOSE</b>		
VIB	4,127.1	244.64
FUEVFN D	8,000.0	188.20
DBC	3,260.3	182.58
HPG	2,629.0	164.82
FPT	1,010.6	98.17
VCG	1,115.0	53.20
FUESSVF L	2,500.0	51.48
PNJ	449.0	46.49
HAH	1,550.0	44.23
HPX	1,157.7	40.17
<b>HNX</b>		
TAR	2,323.0	43.67
HHC	221.3	22.13
VC3	490.0	10.09
AMV	840.0	7.81
PPE	97.7	1.32
VCS	11.0	1.00
SPI	50.0	0.88
DTD	26.0	0.73

mà chứng chỉ quỹ này bị bán mạnh bởi khối ngoại kể từ khi lên sàn. Trong khi đó, lực mua tập trung ở các cổ phiếu như Vinamilk-VNM (+48.1 tỷ), Masan-MSN (+44.1 tỷ) và Sacombank-STB (+38.3 tỷ).

Trên sàn HNX, chỉ số HNX-Index thành công cán mốc 300 điểm trong phiên giao dịch hôm nay và đóng cửa cao nhất phiên tại mức 300.33 điểm (+0.79%). Tuy nhiên, thanh khoản lại giảm dần với KLGD khớp lệnh đạt 106.8 triệu cổ phiếu (-19.7%), tương đương 2,453.5 tỷ đồng giá trị (-21.4%).

Nhóm dầu khí xuất hiện tín hiệu bắt đáy tích cực với sự dẫn dắt của Dầu khí PTSC-PVS (+3.8%) bên cạnh một số cổ phiếu vốn hóa nhỏ hơn trong nhóm như Hóa dầu Petrolimex-PLC (+6.9%) hay Dung dịch Khoan Dầu khí-PVC (+3.2%). Cùng với đó, một số cổ phiếu trụ khác như Vicostone-VCS (+1.3%), Idico-IDC (+1.7%), Ngân hàng Sài Gòn Hà Nội-SHB (+0.3%) cũng góp phần nâng đỡ thị trường. Ở chiều ngược lại, tác động giảm điểm đa phần đến từ các cổ phiếu thanh khoản thấp như Điện lực TKV-DTK (-2.5%), Bảo hiểm Bưu điện-PTI (-3.1%) hay Khách sạn Đại Dương-OCH (-4.3%).

Khối ngoại bán ròng trở lại trên sàn HNX với giá trị 3.9 tỷ đồng. Trong đó, đứng đầu danh sách bán ròng của khối ngoại là Tập đoàn PAN-PAN (-6.1 tỷ), Chứng khoán VNDIRECT-VND (-2.8 tỷ) và Ngân hàng Sài Gòn Hà Nội-SHB (-2.5 tỷ). Chiều ngược lại, khối ngoại mua ròng nhiều nhất là Chứng khoán Sài Gòn Hà Nội -SHS (+9.6 tỷ), Bảo hiểm PVI-PVI (+0.2 tỷ) và Bến xe Miền Tây-WCS (+0.2 tỷ).

Theo quan điểm kỹ thuật, VN Index có phiên tăng điểm thứ tư liên tiếp. Khối lượng giao dịch duy trì ở dưới mức bình quân 10 và 20 phiên hàm ý áp lực từ bên bán không quá lớn. Không những vậy, chỉ số nằm trong xu hướng tăng, khi chỉ số duy trì đóng cửa trên MA5 và 20, cùng với đường +DI nổi rộng khoản cách lên phía trên so với -DI cho tín hiệu củng cố đà tăng hiện tại. Thêm vào đó, đường MACD và RSI đang hướng lên tích cực, cho thấy chỉ số có thể thử thách ngưỡng kháng cự gần quanh vùng tâm lý 1,300 điểm hoặc xa hơn có thể quanh vùng kháng cự 1,360 điểm (Fib 127.2, đây là Fib thoát lui hình thành từ đỉnh 2018 và đáy 2020). Đối với sàn Hà Nội, HNX Index có diễn biến tương tự. Chỉ số có phiên tăng điểm vượt qua vùng tâm lý 300 điểm và duy trì đóng cửa trên MA20, cùng với chòm MA 5, 10, 20 ở trạng thái phân kỳ dương tích cực, cho thấy đà tăng đang mạnh dần lên. Chỉ số có thể hướng lên vùng kháng cự quanh 330 điểm (Fib 38.2, đây là mức Fib đo được từ việc chia sóng 5 của chỉ số, tính từ tháng 7/2020 là đầu sóng 1). Nhìn chung, thị trường đang trong xu hướng tăng tích cực. Do đó, chúng tôi duy trì khuyến nghị, nhà đầu tư nên tận dụng các nhịp rung lắc để gia tăng thêm một phần nhỏ tỷ trọng vào các cổ phiếu có cơ bản tốt và đang được dòng tiền mạnh hướng tới.

## Thông kê top 5 cổ phiếu giao dịch khớp lệnh

### HOSE

#### Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
SCR	8.9	6,301.5	7.0%
DXG	26.1	21,624.3	7.0%
IJC	28.4	9,497.3	7.0%
COM	43.0	0.1	7.0%
ELC	13.1	673.7	7.0%

#### Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
AGM	29.0	91.7	-6.9%
FUCVREIT	13.5	40.0	-6.9%
PMG	21.0	11.5	-6.7%
LEC	12.3	1.5	-6.5%
TDW	32.1	0.8	-6.4%

#### Top 5 giá trị

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VPB	66.7	2,667.1	-1.6%
HPG	65.4	1,711.2	-0.3%
CTG	51.2	1,558.9	6.1%
STB	28.9	915.8	0.2%
TCB	50.9	763.6	0.2%

#### Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
VPB	66.7	40,148.0	-1.6%
STB	28.9	31,595.2	0.2%
CTG	51.2	31,077.9	6.1%
FLC	12.2	28,488.5	-4.3%
HPG	65.4	26,221.2	-0.3%

### HNX

#### Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
LAF	15.4	1.5	10.0%
ADC	28.7	0.2	10.0%
QHD	37.6	1.0	9.9%
S99	21.1	2,773.3	9.9%
VIT	14.5	114.6	9.8%

#### Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
KTS	15.3	16.6	-10.0%
DNC	50.8	0.3	-9.9%
VNC	34.9	0.4	-9.8%
GDW	23.3	1.4	-9.7%
VNF	14.3	17.4	-9.5%

#### Top 5 giá trị

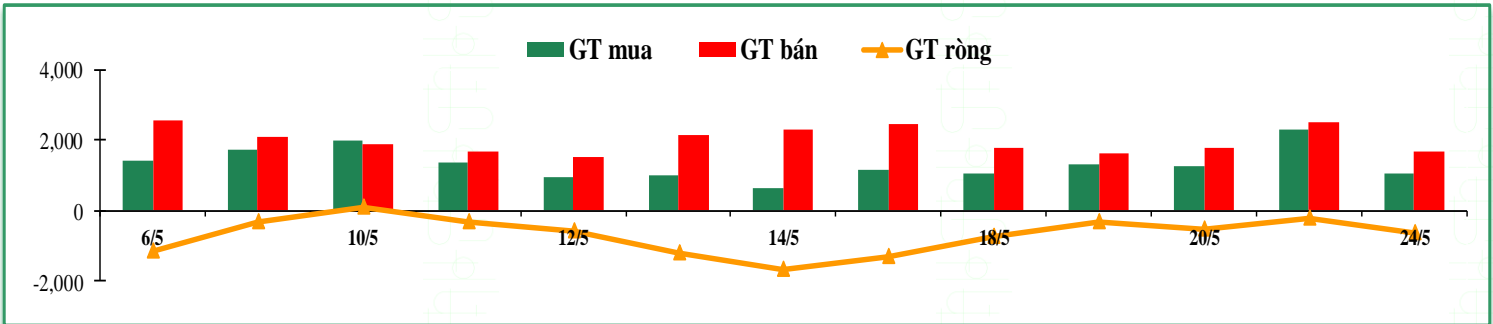
Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
SHB	29.2	527.4	0.3%
SHS	33.5	325.0	1.8%
THD	195.8	294.2	0.3%
VND	45.1	215.5	1.8%
PVS	21.9	206.7	3.8%

#### Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
SHB	29.2	18,250.8	0.3%
SHS	33.5	9,821.8	1.8%
PVS	21.9	9,474.1	3.8%
NVB	17.4	6,581.9	0.6%
HUT	6.7	5,753.9	4.7%

## Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài

Sàn GD	GT Mua	% Thị trường	GT Bán	% Thị trường	Mua-Bán
HOSE	1,024.0	4.3%	1,641.8	6.9%	-617.8
HNX	13.4	0.5%	17.2	0.7%	-3.9
<b>Tổng số</b>	<b>1,037.4</b>		<b>1,659.1</b>		<b>-621.7</b>



### HOSE

#### Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
MSN	112.0	75.0	0.1%
VNM	91.2	72.7	2.2%
STB	28.9	70.2	0.2%
FPT	93.5	69.7	-0.3%
PNJ	101.9	51.3	0.1%

#### Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
HPG	65.4	308.0	-0.3%
CTG	51.2	221.3	6.1%
FUEVFNND	23.9	194.7	0.6%
VIC	122.1	87.6	-0.3%
FPT	93.5	69.7	-0.3%

#### Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VNM	91.2	48.1	2.2%
MSN	112.0	44.1	0.1%
STB	28.9	38.3	0.2%
VHM	106.0	34.1	2.0%
SSI	39.8	29.3	2.1%

### HNX

#### Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
SHS	33.5	10.2	1.8%
VCS	96.0	0.7	1.3%
VND	45.1	0.3	1.8%
WCS	197.0	0.2	-0.1%
PVI	33.4	0.2	0.9%

#### Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
PAN	25.3	6.1	2.0%
VND	45.1	3.1	1.8%
SHB	29.2	2.6	0.3%
VCS	96.0	1.0	1.3%
SHS	33.5	0.6	1.8%

#### Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
SHS	33.5	9.6	1.8%
PVI	33.4	0.2	0.9%
WCS	197.0	0.2	-0.1%
CEO	9.9	0.2	6.5%
IDV	69.5	0.1	1.3%

## Tin trong nước

---

### **S&P nâng triển vọng kinh tế Việt Nam lên tích cực**

Ngày 21/5, tổ chức xếp hạng tín nhiệm S&P Global Ratings (S&P) thông báo giữ nguyên hệ số tín nhiệm quốc gia của Việt Nam, nâng triển vọng từ ổn định lên tích cực.

Như vậy, từ khi đại dịch bùng phát đến nay, Việt Nam là nước duy nhất được cả ba tổ chức xếp hạng tín nhiệm gồm Moody's, Fitch và S&P nâng triển vọng lên tích cực.

Trước đó, trong lần xếp hạng công bố tháng 4, Fitch Ratings đã nâng triển vọng của Việt Nam từ 'ổn định' lên 'tích cực'.

Vào giữa tháng 3, hãng xếp hạng tín nhiệm Moody's cũng giữ nguyên xếp hạng tín nhiệm quốc gia của Việt Nam và nâng triển vọng từ tiêu cực lên tích cực.

### **Một lượng tiền lớn sẽ được bơm ra sau 3 tháng nữa từ các giao dịch bán ngoại tệ**

Theo SSI, tuần qua, thị trường mở không phát sinh giao dịch mới. Lãi suất trên liên ngân hàng nhích tăng 11-18bps, chốt tuần ở mức 1,27%/năm ở kỳ hạn qua đêm và 1,41% ở kỳ hạn 1 tuần. Như vậy, từ đầu tháng 5, lãi suất trên liên ngân hàng đã tăng 30-45 bps.

Lãi suất tiền gửi và cho vay vẫn ổn định. Tín dụng tăng trưởng mạnh giai đoạn vừa qua đã khiến thanh khoản các NHTM bớt dư thừa. Tuy nhiên, tăng trưởng huy động 1 tháng gần đây đã có dấu hiệu tích cực, mức tăng trưởng đến 22/4/2021 là 2,32% so với đầu năm, đã cao hơn rất nhiều so với mức 0,54% tại 19/3/2021.

SSI cho rằng nguồn cung VND trên liên ngân hàng vẫn rất ổn định, đặc biệt sẽ có một lượng tiền đồng lớn bơm ra từ các giao dịch bán ngoại tệ có kỳ hạn sẽ được thực hiện trong tháng 7,8 tới.

Hiện tại, cung cầu ngoại tệ trong nước vẫn khá cân bằng, chênh lệch lãi suất VND-USD duy trì ở mức cao, tỷ giá USD/VND sẽ giữ xu hướng đi ngang trong ngắn hạn. Tuy nhiên, cán cân thương mại tháng 4 và nửa đầu tháng 5 đang thâm hụt, nếu xu hướng này kéo dài có thể tạo áp lực nhất định trong thời gian tới.

Nguồn: NDN, Cafe

## Tin doanh nghiệp niềm yết

### **Cao su Phước Hòa (PHR) dự kiến chia cổ tức bằng tiền kỳ lục 45%**

CTCP Cao su Phước Hòa (MCK: PHR ) vừa công bố một số nội dung trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021. Hiện PHR chưa chốt ngày diễn ra cuộc họp.

Năm 2020 ghi nhận mức doanh thu thuần của PHR giảm nhẹ xuống còn 1.632 tỷ đồng. Tuy nhiên, sau khi trừ đi các khoản chi phí thì lợi nhuận sau thuế hợp nhất lại tăng đột biến lên khoảng 1.125 tỷ đồng.

Với kết quả đạt được rất khả quan, HĐQT PHR đã trình phương án chia cổ tức năm 2020 bằng tiền với tỷ lệ 45%. Đây là tỷ lệ chi trả cổ tức cao nhất kể từ khi công ty niêm yết trên sàn chứng khoán, gần gấp đôi so với mức 25% vào cuối năm ngoái. Dự kiến Cao su Phước Hòa sẽ chi khoảng 609,7 tỷ đồng để thanh toán đợt này.

Hiện tại, tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam là cổ đông lớn nhất tại PHR, nắm giữ hơn 90 triệu cổ phiếu, dự kiến sẽ thu về 400 tỷ đồng trong đợt chia cổ tức này.

Sang năm 2021, công ty đặt mục tiêu khá thận trọng với tổng doanh thu công ty mẹ 2.129 tỷ đồng, giảm 4% so với năm ngoái. Chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế công ty mẹ là 865 tỷ đồng, giảm 25% so với năm 2020.

Tỷ lệ cổ tức tiền mặt năm 2021 dự kiến tối thiểu 40%. Kế hoạch vốn đầu tư trong năm đạt hơn 181 tỷ đồng.

Kết thúc quý I, tình hình công ty chưa có tín hiệu khả quan khi mới đạt khoảng 248 tỷ doanh thu công ty mẹ, giảm 26% so với cùng kỳ và hoàn thành khoảng 11,6% kế hoạch cả năm. Lợi nhuận trước thuế đạt 26,5 tỷ đồng, giảm 85% so với cùng kỳ và đạt 3% kế hoạch năm.

### **Masan Group chi 15 triệu USD mua 20% cổ phần Phúc Long, muốn có 1.000 ki-ốt tại hệ thống VinMart+**

Công ty TNHH The Sherpa – thuộc Tập đoàn Masan (HoSE: MSN) vừa ký kết thỏa thuận mua lại 20% Công ty Cổ phần Phúc Long Heritage – công ty sở hữu thương hiệu Phúc Long với giá 15 triệu USD. Như vậy chuỗi trà sữa nổi tiếng này được định giá 75 triệu USD, tương đương khoảng 1.730 tỷ đồng.

VinCommerce - một công ty con khác thuộc tập đoàn Masan cũng sẽ hợp tác với Phúc Long để triển khai mô hình ki-ốt tại các cửa hàng VinMart+. Hiện chuỗi bán lẻ này có hơn 2.200 cửa hàng trên toàn quốc.

Cũng theo thỏa thuận, các ki-ốt sẽ chia sẻ 20% doanh thu với cửa hàng VinMart+. Lãnh đạo Masan Group cho biết đã thử nghiệm thành công 4 ki-ốt Phúc Long tại TP HCM trong 3 tháng qua và tự tin sẽ hoàn thành mục tiêu 1.000 ki-ốt Phúc Long trong 18-24 tháng tiếp theo.

Nguồn: NDH

## Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	BVS	Mua	25/05/21	22.8	22.8	0.0%	26	14.0%	21.3	-6.6%	Cổ phiếu có cơ hội quay lại xu hướng phục hồi

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Kháng cự	Tín hiệu kỹ thuật
1	CKG	Quan sát mua	25/05/21	17.7	21	Khả năng có thể điều chỉnh/tích lũy vài phiên sau nền rút đầu vol cao -> có thể canh mua khi giá điều chỉnh về vùng 16.5-17
2	SJS	Quan sát mua	25/05/21	54	60-62	Tín hiệu điều chỉnh ko quá xấu với nền giảm vol thấp -> có thể canh mua khi giá điều chỉnh về vùng 50-52
3	CSV	Quan sát mua	25/05/21	27.2	30-31 32-33	Tín hiệu test đáy tích cực với áp lực bán yếu đi + nền tăng sau nền Hammer -> có cơ hội tạo đáy và hồi phục trở lại, cần vượt 28 để xác nhận
4	ELC	Quan sát mua	25/05/21	13.05	14.6-15	Nền tăng tốt thoát nền và quay lại trên MA50 kèm vol tăng trở lại -> khả năng quay lại xu hướng tăng, có thể canh mua khi điều chỉnh trong phiên

## Danh mục cổ phiếu đã khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	FPT	Nắm giữ	20/04/21	93.5	81.5	14.7%	108.5	33.1%	78.8	-3%	
2	VSC	Mua	28/04/21	51.7	49.9	3.6%	55	10.2%	47	-6%	
3	MWG	Mua	04/05/21	146	140.9	3.6%	172	22%	134.6	-4%	
4	STB	Nắm giữ	05/05/21	28.9	24.1	19.9%	30	24%	22.9	-5%	
5	CKG	Nắm giữ	07/05/21	17.7	15.5	14.2%	19.3	25%	14.9	-4%	

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

6	SSI	Mua	13/05/21	39.8	34.8	14.4%	42	21%	33.5	-4%	
7	PVS	Mua	19/05/21	21.9	21.8	0.5%	24.5	12%	20.5	-6%	
8	VHM	Mua	20/05/21	106	100.4	5.6%	110	10%	96.5	-4%	
9	HDG	Mua	24/05/21	44.15	41.95	5.2%	47.6	13%	40.3	-4%	

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.



## Danh mục chứng quyền có đảm bảo

Mã chứng quyền	Thông kê giao dịch chứng quyền ngày 24/05/2021									Thông tin chứng quyền				
	Giá phát hành (VND)	Giá đóng cửa (VND)	Tăng/giảm trong ngày (%)	Tăng/giảm so với giá phát hành (%)	KL chứng quyền khớp lệnh	Số ngày tới hạn	Giá CKCS (VND)	Giá chứng quyền mua lý thuyết (VND)	Chênh lệch so với giá đóng cửa	CTCKPH	CKCS	Giá thực hiện quyền (VND)	Tỷ lệ chuyển đổi n:1	Ngày đáo hạn
CFPT2016	2,580	8,730	-3.0%	238%	38,290	29	93,500	8,717	(13)	SSI	FPT	50,000	5.0	22/06/2021
CFPT2101	1,500	5,820	-15.7%	288%	39,960	42	93,500	3,197	(2,623)	MBS	FPT	74,500	6.0	05/07/2021
CHDB2101	1,000	4,940	-8.2%	394%	16,710	121	31,750	538	(4,402)	KIS	HDB	29,888	5.0	22/09/2021
CHPG2020	5,700	43,900	-1.1%	670%	2,960	37	65,400	39,457	(4,443)	VND	HPG	26,000	1.0	30/06/2021
CHPG2101	1,050	8,280	-11.9%	689%	35,200	121	65,400	4,712	(3,568)	KIS	HPG	46,888	4.0	22/09/2021
CHPG2102	6,600	26,650	-5.6%	304%	19,090	42	65,400	24,501	(2,149)	ACBS	HPG	41,000	1.0	05/07/2021
CHPG2103	3,900	13,200	-5.0%	238%	30,230	43	65,400	11,753	(1,447)	VND	HPG	42,000	2.0	06/07/2021
CHPG2104	1,500	8,100	-10.0%	440%	30,460	42	65,400	6,904	(1,196)	MBS	HPG	44,800	3.0	05/07/2021
CHPG2105	3,000	14,200	-6.0%	373%	32,090	77	65,400	11,795	(2,405)	HCM	HPG	42,000	2.0	09/08/2021
CHPG2106	4,100	12,400	-4.6%	202%	21,570	95	65,400	7,741	(4,659)	MBS	HPG	50,200	2.0	27/08/2021
CHPG2107	1,300	6,200	-11.9%	377%	71,100	80	65,400	1,299	(4,901)	KIS	HPG	59,368	5.0	12/08/2021
CHPG2108	1,200	7,150	-11.2%	496%	28,500	80	65,400	1,283	(5,867)	KIS	HPG	59,456	5.0	12/08/2021
CKDH2002	1,600	4,030	-5.8%	152%	16,380	84	37,450	2,563	(1,467)	KIS	KDH	27,333	4.0	16/08/2021
CKDH2101	1,000	3,680	-12.4%	268%	15,830	121	37,450	910	(2,770)	KIS	KDH	33,333	5.0	22/09/2021
CKDH2102	2,800	6,500	-3.0%	132%	11,700	81	37,450	3,250	(3,250)	MBS	KDH	31,100	2.0	13/08/2021
CMBB2010	4,600	18,620	-0.2%	305%	24,760	21	34,750	18,770	150	SSI	MBB	16,000	1.0	14/06/2021
CMBB2101	1,600	6,920	-14.7%	333%	73,320	43	34,750	4,408	(2,512)	VND	MBB	26,000	2.0	06/07/2021
CMBB2102	1,200	3,720	0.0%	210%	96,530	80	34,750	123	(3,597)	KIS	MBB	34,468	10.0	12/08/2021
CMSN2101	1,050	4,480	-8.0%	327%	17,510	121	112,000	689	(3,791)	KIS	MSN	99,999	20.0	22/09/2021
CMSN2102	1,000	4,360	-8.2%	336%	20,610	121	112,000	313	(4,047)	KIS	MSN	111,111	20.0	22/09/2021
CMSN2103	3,000	8,200	-13.7%	173%	17,190	81	112,000	4,070	(4,130)	MBS	MSN	88,000	6.0	13/08/2021
CMWG2013	12,000	30,600	-3.2%	155%	4,110	37	146,000	25,104	(5,496)	VND	MWG	96,000	2.0	30/06/2021
CMWG2016	1,700	3,730	-3.1%	119%	35,910	17	146,000	3,811	81	HCM	MWG	108,000	10.0	10/06/2021
CMWG2101	2,400	4,570	-2.4%	90%	30,040	43	146,000	2,930	(1,640)	VND	MWG	117,000	10.0	06/07/2021
CMWG2102	3,000	8,050	-10.1%	168%	10,770	70	146,000	5,299	(2,751)	VCI	MWG	120,000	5.0	02/08/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CMWG2103	1,900	3,370	-20.0%	77%	19,400	42	146,000	1,782	(1,588)	MBS	MWG	128,500	10.0	05/07/2021
CMWG2104	2,400	11,000	0.9%	358%	5,570	(63)	146,000	(25)	(11,025)	ACBS	MWG	135,000	10.0	22/03/2021
CMWG2105	2,950	5,900	-16.9%	100%	16,760	95	146,000	1,956	(3,944)	MBS	MWG	131,500	8.0	27/08/2021
CNVL2003	1,000	7,260	-4.4%	626%	97,180	18	135,000	7,181	(79)	KIS	NVL	63,979	9.9	11/06/2021
CNVL2101	1,000	4,910	-10.7%	391%	22,630	121	135,000	3,643	(1,267)	KIS	NVL	77,999	15.8	22/09/2021
CNVL2102	1,100	4,350	13.3%	295%	170,080	126	135,000	596	(3,754)	KIS	NVL	128,399	16.0	27/09/2021
CPDR2101	1,100	5,000	0.0%	355%	57,280	95	76,400	46	(4,954)	KIS	PDR	88,888	5.0	27/08/2021
CPDR2102	1,100	5,060	2.9%	360%	28,300	126	76,400	137	(4,923)	KIS	PDR	88,999	5.0	27/09/2021
CPNJ2101	1,700	3,080	-7.2%	81%	16,220	43	101,900	2,434	(646)	VND	PNJ	78,000	9.9	06/07/2021
CPNJ2102	2,000	6,200	-6.2%	210%	11,830	70	101,900	4,446	(1,754)	VCI	PNJ	80,000	5.0	02/08/2021
CPNJ2103	2,900	4,600	-8.0%	59%	19,270	25	101,900	4,643	43	MBS	PNJ	78,800	5.0	18/06/2021
CREE2101	2,300	4,100	2.5%	78%	32,590	43	59,100	2,805	(1,295)	VND	REE	48,000	4.0	06/07/2021
CSBT2101	1,100	2,740	-8.7%	149%	11,160	121	19,950	17	(2,723)	KIS	SBT	24,666	5.0	22/09/2021
CSTB2007	1,500	9,010	0.1%	501%	5,070	3	28,900	8,951	(59)	KIS	STB	10,999	2.0	27/05/2021
CSTB2010	1,100	8,500	0.4%	673%	96,120	18	28,900	8,457	(43)	KIS	STB	11,999	2.0	11/06/2021
CSTB2014	3,800	17,000	0.3%	347%	6,780	21	28,900	16,915	(85)	SSI	STB	12,000	1.0	14/06/2021
CSTB2101	1,000	7,300	-12.1%	630%	31,870	121	28,900	3,543	(3,757)	KIS	STB	21,999	2.0	22/09/2021
CSTB2102	2,000	10,900	0.9%	445%	25,990	11	28,900	10,912	12	MBS	STB	18,000	1.0	04/06/2021
CSTB2103	1,400	7,340	-9.5%	424%	47,630	77	28,900	5,491	(1,849)	HCM	STB	18,000	2.0	09/08/2021
CSTB2104	4,000	11,070	-6.5%	177%	25,430	95	28,900	6,142	(4,928)	MBS	STB	22,900	1.0	27/08/2021
CTCB2012	5,400	29,100	-0.3%	439%	22,990	67	50,900	28,987	(113)	SSI	TCB	22,000	1.0	30/07/2021
CTCB2101	5,000	23,000	-3.0%	360%	12,450	134	50,900	20,143	(2,857)	ACBS	TCB	31,000	1.0	05/10/2021
CTCB2102	2,300	8,700	-7.9%	278%	39,670	43	50,900	7,495	(1,205)	VND	TCB	36,000	2.0	06/07/2021
CTCB2103	2,900	9,800	-10.9%	238%	41,660	77	50,900	7,780	(2,020)	HCM	TCB	35,500	2.0	09/08/2021
CTCB2104	2,000	8,500	-16.7%	325%	22,790	95	50,900	2,798	(5,702)	MBS	TCB	45,800	2.0	27/08/2021
CTCH2003	1,600	2,750	8.7%	72%	24,900	84	23,500	194	(2,556)	KIS	TCH	23,999	3.9	16/08/2021
CTCH2101	1,000	3,210	0.0%	221%	17,790	121	23,500	238	(2,972)	KIS	TCH	24,666	3.9	22/09/2021
CTCH2102	2,750	4,350	3.6%	58%	12,030	81	23,500	194	(4,156)	MBS	TCH	25,000	2.0	13/08/2021
CTCH2103	1,200	2,220	-7.9%	85%	30,230	80	23,500	0	(2,220)	KIS	TCH	31,668	4.0	12/08/2021
CVHM2008	1,400	2,170	0.9%	55%	42,090	18	106,000	1,721	(449)	KIS	VHM	88,888	10.0	11/06/2021
CVHM2101	1,100	4,270	-9.5%	288%	12,270	121	106,000	277	(3,993)	KIS	VHM	106,888	16.0	22/09/2021
CVHM2102	1,900	4,000	-7.0%	111%	43,420	43	106,000	1,922	(2,078)	VND	VHM	87,000	10.0	06/07/2021
CVHM2103	1,650	1,730	7.5%	5%	32,590	11	106,000	1,306	(424)	MBS	VHM	93,000	10.0	04/06/2021
CVHM2104	1,600	4,250	-13.4%	166%	63,450	77	106,000	881	(3,369)	HCM	VHM	98,000	10.0	09/08/2021
CVHM2105	1,500	4,820	-15.4%	221%	18,500	81	106,000	474	(4,346)	MBS	VHM	105,000	8.0	13/08/2021
CVHM2106	1,300	4,280	-5.7%	229%	46,300	80	106,000	21	(4,259)	KIS	VHM	118,668	10.0	12/08/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CVIC2005	1,500	2,090	-12.6%	39%	33,750	18	122,100	1,535	(555)	KIS	VIC	106,868	10.0	11/06/2021
CVIC2101	1,000	4,650	-8.3%	365%	19,290	121	122,100	168	(4,482)	KIS	VIC	126,888	20.0	22/09/2021
CVIC2102	1,800	2,240	-22.8%	24%	17,860	11	122,100	2,216	(24)	MBS	VIC	100,000	10.0	04/06/2021
CVIC2103	1,100	2,680	0.0%	144%	190,260	126	122,100	1	(2,679)	KIS	VIC	165,899	20.0	27/09/2021
CVJC2006	1,000	420	-22.2%	-58%	33,610	18	113,500	126	(294)	KIS	VJC	111,111	20.0	11/06/2021
CVNM2011	1,100	520	52.9%	-53%	130,470	18	91,200	(0)	(520)	KIS	VNM	133,333	16.3	11/06/2021
CVNM2101	1,100	2,900	-6.5%	164%	15,110	121	91,200	0	(2,900)	KIS	VNM	126,888	19.8	22/09/2021
CVNM2102	1,700	2,400	-10.1%	41%	28,020	43	91,200	0	(2,400)	VND	VNM	108,994	9.9	06/07/2021
CVNM2103	1,700	1,740	-26.0%	2%	54,710	25	91,200	0	(1,740)	MBS	VNM	104,000	10.0	18/06/2021
CVNM2104	1,480	4,230	-6.0%	186%	23,460	112	91,200	30	(4,200)	MBS	VNM	103,000	10.0	13/09/2021
CVNM2105	1,100	1,970	-8.8%	79%	91,670	126	91,200	0	(1,970)	KIS	VNM	119,399	20.0	27/09/2021
CVPB2015	5,600	41,410	0.0%	639%	5,670	67	66,700	40,802	(608)	SSI	VPB	26,000	1.0	30/07/2021
CVPB2101	2,900	15,250	-1.0%	426%	3,340	43	66,700	14,897	(353)	VND	VPB	37,000	2.0	06/07/2021
CVPB2102	2,800	15,300	0.4%	446%	11,420	11	66,700	15,611	311	MBS	VPB	35,500	2.0	04/06/2021
CVPB2103	2,700	15,800	-2.5%	485%	21,650	77	66,700	15,182	(618)	HCM	VPB	36,500	2.0	09/08/2021
CVPB2104	2,500	9,940	-13.6%	298%	21,440	95	66,700	5,991	(3,949)	MBS	VPB	49,000	3.0	27/08/2021
CVRE2009	1,400	130	-35.0%	-91%	119,660	3	30,850	0	(130)	KIS	VRE	30,999	5.0	27/05/2021
CVRE2011	1,500	500	-10.7%	-67%	22,510	18	30,850	2	(498)	KIS	VRE	31,888	4.0	11/06/2021
CVRE2013	5,000	7,400	-1.5%	48%	12,080	67	30,850	3,485	(3,915)	SSI	VRE	27,500	1.0	30/07/2021
CVRE2101	1,200	2,900	-8.2%	142%	6,240	121	30,850	97	(2,803)	KIS	VRE	34,567	4.0	22/09/2021
CVRE2102	1,800	2,400	-8.4%	33%	18,940	43	30,850	275	(2,125)	VND	VRE	30,000	4.0	06/07/2021
CVRE2103	1,300	2,940	-6.7%	126%	24,250	77	30,850	131	(2,809)	HCM	VRE	32,000	4.0	09/08/2021
CVRE2104	3,000	4,450	-2.2%	48%	9,320	81	30,850	61	(4,389)	MBS	VRE	34,300	2.0	13/08/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

## Cập nhật danh mục cổ phiếu phân tích

Mã CK	Sàn	Thị giá	Giá hợp lý*	Ngày ra báo cáo	Lợi nhuận 2021F (tỷ)	EPS 2021F	BV 2021F	ROE 2021F	ROA 2021F	PE 2021F	PB 2021F	Cổ tức dự kiến**	
<a href="#">TCM</a>	(New)	HOSE	91,000	82,800	17/05/2021	287	4,630	28,532	16%	9%	17.9	2.9	-
<a href="#">STK</a>	(New)	HOSE	32,000	41,000	17/05/2021	187	2,211	14,974	15%	10%	18.6	2.7	-
<a href="#">MSN</a>	(New)	HOSE	112,000	104,500	14/05/2021	2,784	2,382	16,687	16%	3%	43.9	6.3	-
<a href="#">NVL</a>	(New)	HOSE	135,000	104,600	13/05/2021	4,369	4,389	29,673	13%	3%	23.8	3.5	-
<a href="#">VGG</a>	(New)	UPCOM	42,600	55,500	13/05/2021	187	4,249	41,384	10%	4%	13.1	1.3	20%
<a href="#">NLG</a>		HOSE	38,000	39,000	12/05/2021	1,120	4,276	26,800	16%	8%	9.1	1.5	5%
<a href="#">KDH</a>		HOSE	37,450	39,000	12/05/2021	1,174	2,157	17,973	14%	8%	18.6	2.2	0%
<a href="#">VCB</a>		HOSE	97,400	118,300	10/05/2021	22,986	6,198	32,887	21%	2%	19.1	3.6	-
<a href="#">ACB</a>		HOSE	37,500	39,800	10/05/2021	9,253	4,281	21,066	24%	2%	7.6	1.4	-
<a href="#">TCB</a>		HOSE	50,900	51,300	10/05/2021	15,741	4,497	25,278	19%	3%	11.4	2.0	-
<a href="#">GEG</a>		HOSE	16,350	21,200	07/05/2021	388	1,273	12,788	10%	4%	16.8	1.7	4%
<a href="#">BMP</a>		HOSE	57,800	66,900	06/05/2021	551	6,735	32,184	21%	17%	9.9	2.1	43%
<a href="#">VNM</a>		HOSE	91,200	128,000	04/05/2021	10,488	4,972	16,501	30%	20%	25.8	7.8	45%
<a href="#">CTD</a>		HOSE	57,000	69,200	29/04/2021	593	7,960	112,448	7%	4%	8.7	0.7	10%
<a href="#">DHG</a>		HOSE	95,000	100,400	28/04/2021	742	5,676	28,774	20%	16%	18.1	3.6	30%
<a href="#">PNJ</a>		HOSE	101,900	116,000	27/04/2021	1,538	6,762	27,589	25%	16%	17.2	4.2	20%
<a href="#">HPG</a>		HOSE	65,400	52,900	27/04/2021	16,753	5,038	22,193	23%	12%	10.5	2.4	5%
<a href="#">FPT</a>		HOSE	93,500	91,800	14/04/2021	5,036	4,730	26,109	25%	11%	19.4	3.5	20%
<a href="#">VGS</a>		HNX	19,600	24,600	13/04/2021	171	3,623	25,974	20%	5%	7.5	1.4	10%
<a href="#">SMC</a>		HOSE	38,100	37,200	13/04/2021	313	4,961	17,978	20%	8%	6.8	1.4	10%
<a href="#">DGW</a>		HOSE	138,900	103,700	13/04/2021	425	9,881	35,452	28%	11%	10.5	2.8	20%
<a href="#">VHC</a>		HOSE	39,400	48,900	12/04/2021	951	5,188	31,003	12%	17%	9.4	1.6	-
<a href="#">ACV</a>		UPCOM	69,900	85,600	09/04/2021	3,027	1,390	17,759	8%	5%	60.6	4.7	6%
<a href="#">ANV</a>		HOSE	24,700	26,000	05/04/2021	281	2,202	18,506	12%	6%	11.8	1.4	-
<a href="#">REE</a>		HOSE	59,100	62,100	02/04/2021	1,937	5,984	45,456	14%	9%	10.4	1.4	0%
<a href="#">PLX</a>		HOSE	56,300	64,800	31/03/2021	4,563	3,668	17,545	18%	7%	17.7	3.7	30%

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

<a href="#">SBT</a>	HOSE	19,950	30,000	25/03/2021	744	1,165	13,578	9%	4%	25.8	2.2	5%
<a href="#">MPC</a>	UPCOM	36,300	44,700	25/03/2021	762	3,811	27,801	14%	8%	11.7	1.6	-
<a href="#">FMC</a>	HOSE	33,800	43,900	18/03/2021	236	4,014	21,355	17%	12%	10.0	1.9	-
<a href="#">GVR</a>	HOSE	27,100	40,200	17/03/2021	4,906	1,042	13,121	9%	6%	38.6	3.1	3%
<a href="#">QNS</a>	UPCOM	39,100	48,000	16/03/2021	1,043	1,491	20,653	14%	8%	32.2	2.3	-
<a href="#">VRE</a>	HOSE	30,850	43,400	12/03/2021	3,135	1,423	12,382	10%	7%	29.2	3.3	-
<a href="#">MWG</a>	HOSE	146,000	140,600	08/03/2021	4,546	10,036	41,716	24%	9%	14.0	3.4	15%
<a href="#">GAS</a>	HOSE	82,000	102,000	05/03/2021	10,892	5,691	27,913	20%	15%	18.0	3.7	35%
<a href="#">MSH</a>	HOSE	52,000	56,300	03/03/2021	336	6,721	30,835	22%	12%	8.4	1.8	-
<a href="#">GMD</a>	HOSE	38,650	54,800	24/02/2021	541	1,794	22,180	8%	5%	12.8	1.0	10%
<a href="#">TNG</a>	HOSE	20,300	23,800	19/02/2021	198	2,671	16,167	17%	5%	8.9	1.5	-
<a href="#">GIL</a>	HOSE	62,300	54,800	05/02/2021	317	8,813	43,186	20%	10%	6.2	1.3	-
<a href="#">BSR</a>	UPCOM	15,400	12,900	05/02/2021	1,337	431	10,444	4%	2%	29.9	1.2	0%
<a href="#">GTN</a>	HOSE	17,900	36,290	29/01/2021	303	621	16,074	7%	8%	58.4	2.3	0%
<a href="#">IMP</a>	HOSE	72,500	59,400	21/01/2021	210	3,144	27,758	12%	10%	18.9	2.3	20%
<a href="#">FRT</a>	HOSE	25,850	37,700	20/01/2021	28	350	15,466	2%	1%	62.0	1.4	10%
<a href="#">VHM</a>	HOSE	106,000	102,000	19/01/2021	35,222	10,530	42,470	37%	12%	9.8	2.4	-
<a href="#">SAB</a>	HOSE	153,900	182,900	19/01/2021	4,985	7,369	36,116	21%	17%	26.6	5.1	35%
<a href="#">LHG</a>	HOSE	40,600	30,400	19/01/2021	180	3,601	26,394	11%	6%	8.1	1.0	-
<a href="#">PHR</a>	HOSE	54,600	67,650	19/01/2021	1,105	8,158	20,173	32%	16%	6.6	2.1	30%
<a href="#">CTR</a>	UPCOM	80,800	78,800	19/01/2021	223	3,172	14,460	23%	6%	21.1	4.6	10%
<a href="#">POW</a>	HOSE	11,800	14,700	19/01/2021	2,837	1,055	14,071	9%	5%	13.9	1.0	3%

\* Giá mục tiêu chưa điều chỉnh cổ tức sau ngày báo cáo.  
 \*\* Tỷ lệ cổ tức dự kiến năm 2021 trên mệnh giá.

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

## **Đảm bảo phân tích**

Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

## **Định nghĩa xếp loại**

**Overweight (OW)** =cao hơn thị trường nội địa trên 10%

**Neutral (N)** =bằng thị trường nội địa với tỷ lệ từ +10%~ -10%

**Underweight (UW)** =thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%.

**Not Rated (NR)** = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết.

Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

## **Miễn trách**

Thông tin này được tổng hợp từ các nguồn mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy, nhưng chúng tôi không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của nó. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Chứng khoán Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Chứng khoán Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của chúng tôi vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

## **© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS).**

Tòa nhà CR3-03A, Tầng 3, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5479

Fax: (84-28) 5 413 5472

Customer Service: (84-28) 5 411 8855

Call Center: (84-28) 5 413 5488

E-mail: [info@phs.vn](mailto:info@phs.vn) / [support@phs.vn](mailto:support@phs.vn)

Web: [www.phs.vn](http://www.phs.vn)

### **PGD Phú Mỹ Hưng**

Tòa nhà CR2-08, 107 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5478

Fax: (84-28) 5 413 5473

### **Chi nhánh Quận 3**

Tầng 2, Tòa nhà Phương Nam, 157 Võ Thị Sáu, Phường 6, Quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

### **Chi Nhánh Thanh Xuân**

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Phone: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

### **Chi nhánh Tân Bình**

Tầng trệt, P. G.4A, Tòa nhà E-Town 2, 364 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, Tp.HCM.

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415

### **Chi Nhánh Hà Nội**

Tầng 5, Tòa nhà Vinafor, 127 Lò Đúc, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Phone: (84-24) 3 933 4566

Fax: (84-24) 3 933 4820

### **Chi nhánh Hải Phòng**

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Phone: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

### **Chi nhánh Quận 1**

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.